

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2134/STTTT-TTBCXB ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành⁽¹⁾: "Quy định các mức hỗ trợ, nội dung chi, mức chi cho tiêu dự án giảm nghèo về thông tin của thuộc dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin và mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum" (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

I. Một số vấn đề chung

Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương có nội dung giao địa phương quy định chi tiết được ban hành và tính đến thời điểm hiện tại đã có hiệu lực trong khoảng thời gian tương đối dài⁽²⁾. Tuy nhiên, việc tham mưu Ủy ban nhân dân chuẩn bị nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh của cơ quan chủ trì soạn thảo là chưa đầy đủ. Các dự thảo gửi thẩm định có chất lượng chưa cao⁽³⁾. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quan tâm hơn đến công tác chuẩn bị, tham mưu xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nói chung, tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nói riêng để đảm bảo chất lượng của dự thảo khi gửi thẩm định, đề nghị ban hành.

II. Các vấn đề cụ thể

⁽¹⁾ Thay cho dự thảo Nghị quyết đã được gửi kèm Công văn số 2130/STTTT-TTBCXB ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông.

⁽²⁾ Thông tư số 46/2022/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022; Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2022; Thông tư số 01/2022/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2022...

⁽³⁾ Dự thảo gửi kèm Công văn số 2083/STTTT-TTBCXB ngày 04 tháng 11 năm 2022 chưa đủ điều trình phải xây dựng, thẩm định lại; dự thảo đề nghị thẩm định gửi kèm Công văn số 2130/STTTT-TTBCXB ngày 08 tháng 11 năm 2022 tiếp tục được thay bằng dự thảo mới.

1. Thẩm quyền, sự cần thiết ban hành

Thẩm quyền, sự cần thiết ban hành văn bản đã được Sở Tư pháp trình bày cụ thể tại Báo cáo số 401/BC-STP ngày 08 tháng 11 năm 2022. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ ý kiến của Sở Tư pháp về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành văn bản tại Báo cáo trên để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy một số đối tượng được dự kiến có sự trùng lặp, không cần thiết. Cụ thể, đối tượng được dự kiến tại khoản 2 Điều 2 dự thảo đã được quy định tại khoản 1 điều này. Bên cạnh đó, đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở đã được quy định cụ thể tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BXD nên không nhất thiết lặp lại mà chỉ cần quy định theo hướng viện dẫn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, lược bỏ một số đối tượng áp dụng được dự kiến tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

Theo quan điểm của Sở Tư pháp, đối tượng áp dụng có thể biên tập lại theo hướng sau⁽⁴⁾:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách đối ứng địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021– 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BXD (không bao gồm các hộ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BXD).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan”.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

⁽⁴⁾ Lưu ý, nội dung được Sở Tư pháp biên tập lại chỉ có giá trị tham khảo đối với cơ quan chủ trì soạn thảo.

3.1. Đề nghị xem xét lại đối tượng áp dụng với lý do đã được cơ quan thẩm định trình bày tại mục 2 phần II của Báo cáo này.

3.2. Tên gọi của văn bản đề nghị bỏ từ “của”, từ “và” cho ngắn gọn. Viết lại như sau: “*Quy định các mức hỗ trợ, nội dung chi, mức chi cho tiểu dự án giảm nghèo về thông tin thuộc dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Khi biên tập lại tên gọi của dự thảo Nghị quyết như trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại đoạn thứ nhất của Điều 1 cho phù hợp, thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết.

3.3. Theo dự kiến, dự thảo Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp thứ... (*thể hiện tại phần ghi thời điểm ban hành và Điều 6 dự thảo*). Tuy nhiên, theo Thông báo số 59/TB-TTHĐND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về các hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại Kỳ họp chuyên đề và Kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 thì dự thảo Nghị quyết được xem xét, thông qua tại Kỳ họp chuyên đề. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý thời điểm (*kỳ họp*) Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo. Khi chỉnh lý thời điểm (*kỳ họp*) Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo đề nghị chỉnh lý thời điểm (*kỳ họp*) tại phần cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản (*dưới tên gọi của văn bản*) cho phù hợp, thống nhất.

3.4. Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định: “*Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, khả năng cân đối ngân sách địa phương, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước.** Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương tối đa bằng 40.000.000 đồng/hộ gia đình đối với xây mới nhà ở và 20.000.000 đồng/hộ gia đình đối với sửa chữa nhà ở theo quy định khoản 1 Điều 9 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg*”. Tuy nhiên, tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết chưa quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo. Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định về kinh phí cấp huyện có trách nhiệm bố trí để đảm bảo cho việc hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 xây dựng mới, sửa chữa nhà ở.

Theo Báo cáo tiếp thu giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo, quy định mức chi hỗ trợ từ ngân sách huyện bố trí tối thiểu 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ đối với hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai

đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Sở Tư pháp nhận thấy giải trình trên của cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo là không phù hợp. Điều 12 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND quy định tỷ lệ đối ứng của ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao huyện, thành phố thực hiện mà không phải quy định về mức hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho đối tượng được thụ hưởng⁽⁵⁾.

Từ vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 46/2022/TT-BTC, điều kiện kinh tế- xã hội của các huyện nghèo, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các quy định có liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh **quy định cụ thể mức hỗ trợ** cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo xây mới, sửa chữa nhà ở theo đúng quy định.

3.5. Điều 4 dự thảo có tên gọi: “*Quy định các mức hỗ trợ, nội dung chi và mức chi cho tiểu dự án giảm nghèo về thông tin của dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin*”. Tuy nhiên tại các khoản của Điều này tiếp tục lặp lại từ “*quy định mức*”, “*quy định*”⁽⁶⁾. Việc lặp lại các từ này tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 là không cần thiết. Vì vậy, đề nghị xem xét, loại bỏ.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết đề nghị xem xét, biên tập lại như sau cho đầy đủ, đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC; khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2022/TT- BTTTT: “*Hỗ trợ “Chi thiết lập mới cụm thông tin điện tử tại các cửa khẩu biên giới chưa có cụm thông tin điện tử; sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử công cộng đã thiết lập trước đây bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới” để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn...*”.

3.6. Đề nghị biên tập lại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết như sau: “*Nội dung và mức chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*” cho đầy đủ, phù hợp với các nội dung trong khoản và quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

3.7. Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2022/TT- BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các nội dung thực hiện tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã bao gồm: “*a) Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh; b) Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền: Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông*

⁽⁵⁾ Tỷ lệ đối ứng được tính trên tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao huyện, thành phố thực hiện.

⁽⁶⁾ Quy định mức hỗ trợ “Chi thiết lập...”; Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ duy trì...; Quy định nội dung và mức chi tăng cường cơ sở vật chất...

tin - viễn thông đối với các thôn, bản trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã; Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông". Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo căn cứ quy định nêu trên đề tham mưu quy định các nội dung chi về tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đảm bảo đủ nội dung, phù hợp với quy định nêu trên.

Cũng theo quy định nêu trên thì nội dung thực hiện tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã bao gồm: Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh; Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền (mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn, bản trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã; thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông). Tuy nhiên, tại điểm b khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết dự kiến mức chi 30 triệu đồng/cụm loa cho cả hoạt động thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh và mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền; thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định mức chi cho phù hợp với từng nội dung thực hiện.

3.8. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét loại bỏ Điều 5 dự thảo Nghị quyết vì nội dung về nguồn kinh phí thực hiện đã được quy định tại Điều 2 Thông tư số 46/2022/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

3.9. Đối với các mức hỗ trợ, mức chi được dự kiến tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Thông tư số 46/2022/TT-BTC, các văn bản pháp luật có liên quan và đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với mức hỗ trợ, mức chi cụ thể*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan thẩm định nhận thấy, dự thảo Nghị quyết cơ bản trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) và Mẫu số 16. Nghị quyết của

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (*quy định trực tiếp*) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Dự thảo Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để tham mưu thực hiện đúng quy định.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh** xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được cơ quan thẩm định nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi Báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định các mức hỗ trợ, nội dung chi, mức chi cho tiểu dự án giảm nghèo về thông tin của thuộc dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin và mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng